

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐỒNG KHẢI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐỒNG KHẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109680096

**3. Ngày thành lập:** 24/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 ngõ 59 Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947 785 522

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                             | 3822(Chính) |
| 2.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                       | 3821        |
| 3.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                              | 3600        |
| 4.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                 | 3811        |
| 5.  | Thu gom rác thải độc hại                                                       | 3812        |
| 6.  | Tái chế phế liệu                                                               | 3830        |
| 7.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                              | 3900        |
| 8.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                  | 3700        |
| 9.  | Sản xuất than cốc                                                              | 1910        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế                                              | 1920        |
| 11. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                       | 2011        |
| 12. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                            | 2012        |
| 13. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                           | 2013        |
| 14. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp        | 2021        |
| 15. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 2022        |
| 16. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh         | 2023        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                         | 2029        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                   | 2220        |
| 19. | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh                                    | 2310        |
| 20. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                          | 2392        |
| 21. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                             | 2394        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                                                                               | 2399 |
| 23. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                | 2410 |
| 24. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                           | 2420 |
| 25. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                           | 2431 |
| 26. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                        | 2432 |
| 27. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511 |
| 28. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591 |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 30. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610 |
| 31. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                          | 2710 |
| 32. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                  | 2720 |
| 33. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620 |
| 34. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                          | 4631 |
| 35. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 36. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị y tế (chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)                                    | 4649 |
| 37. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ những loại nhà nước cấm)                                                                                                       | 4662 |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 41. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                     | 0710 |
| 42. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                         | 0810 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 600.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN NGỌC<br>KHẢI  | Số 7 ngõ 59 Trần<br>Cung, Phường<br>Nghĩa Tân, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 33,340       | 0400480001<br>23                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 33,340       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN ĐẠI<br>ĐỒNG | Số 3 Hàng Bông,<br>Phường Hàng<br>Gai, Quận Hoàn<br>Kiếm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 33,330       | 0330660031<br>20                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 33,330       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                           |                           |         |               |        |           |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | LƯU THỊ HẰNG | Tổ 2 Khu 1, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 33,330 | 100780554 |
|   |              |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |              |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |              |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |              |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |              |                                                                           | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 33,330 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN NGỌC KHẢI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *07/08/1948*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *040048000123*

Ngày cấp: *13/05/2016*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 7 ngõ 59 Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 7 ngõ 59 Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội